| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 21-7-2025.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đào Minh Hoàng.
*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.
Ông Phan Công Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thùy Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 931/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1989.

Căn cước công dân số: 075189002550. Ngày cấp: 25/4/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 33, Ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, tỉnh Đồng Nai).

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, tỉnh Đồng Nai).

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn T, sinh năm 1983.

Căn cước công dân số: 089083018419. Ngày cấp: 02/01/2023. Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang (nay là xã N, tỉnh An Giang).

Địa chỉ: Tổ 33, Ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, tỉnh Đồng Nai).

(Chị L, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Võ Văn T tự tìm hiểu và xây dựng gia đình năm 2005, đến năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang. Trong thời gian chung sống, chị và anh T thường hay cãi nhau, không hợp nhau, anh T nhiều lần đi nhậu với bạn bè về mâu thuẫn với chị, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T đã ly thân khoảng 01 năm nay, không có khả năng đoàn tụ. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu ly hôn anh Võ Văn T.

*Về con chung:* Có 02 con chung tên Võ Hữu Tr, sinh ngày 07/6/2006 và Võ Thị Trúc M, sinh ngày 26/12/2014. Cháu Tr đã thành niên và có khả năng lao động, cháu M hiện đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

2. Bị đơn anh Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án có ý kiến trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị Thanh L có thời gian tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 17/11/2010. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng hạnh phúc, tuy nhiên sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay xảy ra cãi vã dẫn đến chị L bỏ đi về nhà ngoại sinh sống, anh chị đã ly thân với nhau 01 năm nay, anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị L không đồng ý quay về. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do lỗi của anh thường xuyên đi nhậu với bạn bè về nhà cãi vã với vợ, tuy nhiên nay anh đã hối lỗi và nghiêm túc sửa đổi. Anh xác định vẫn còn tình cảm với vợ và mong muốn tiếp tục chung sống với vợ con. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, anh mong muốn vợ tha thứ cho anh, anh hứa nghiêm túc sửa đổi bản thân, mong Tòa án xem xét cho vợ chồng anh được hòa giải đoàn tụ vợ chồng.

*Về con chung:* Có 02 con chung tên Võ Hữu Tr, sinh ngày 07/6/2006 và Võ Thị Trúc M, sinh ngày 26/12/2014. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Thị Trúc M, sinh ngày 26/12/2014, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Võ Hữu Tr, sinh ngày 07/6/2006 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền và lợi

ích hợp pháp. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L đối với bị đơn anh Võ Văn T, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T; Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Hữu Tr, sinh ngày 07/6/2006 và Võ Thị Trúc M, sinh ngày 26/12/2014. Xét thấy, chị L có yêu cầu nuôi dưỡng cháu M, đối với cháu M có nguyện vọng sống với chị L, đối với anh T đồng ý giao cháu M cho chị L nuôi dưỡng nên đề nghị xử giao cháu M cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Võ Văn T, yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Võ Văn T đăng ký thường trú tại: Ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang (nay là xã N, tỉnh An Giang), cư trú tại: Tổ 33, Ấp 3, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã A, tỉnh Đồng Nai). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai (trước đây là Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn anh Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Võ Văn T tự tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2005, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang (nay là xã N, tỉnh An Giang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 178, quyển số I/2010 ngày 17/11/2010 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn chị L trình bày trong thời gian chung sống, vợ chồng thường hay cãi nhau, không hợp nhau, anh T nhiều lần đi nhậu với bạn bè dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, chị L cho anh T nhiều cơ hội nhưng không thay đổi. Đối với bị đơn anh T thừa

nhận vợ chồng sau thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã, dẫn đến chị L bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng đã ly thân được khoảng 01 năm nay, anh T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên đi nhậu nhưng anh đã hối lỗi và nghiêm túc sửa đổi, mong muốn được hòa giải đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, khi Tòa án triệu tập chị L và anh T đến Tòa án để hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng anh T không có mặt hòa giải, chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn, không đồng ý hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L đối với anh T, xử cho chị L ly hôn anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung tên Võ Hữu Tr, sinh ngày 07/6/2006 và Võ Thị Trúc M, sinh ngày 26/12/2014. Xét thấy, cháu Tr đã thành niên và có khả năng lao động, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu M hiện đang do chị L nuôi dưỡng, có nguyện vọng tiếp tục sống với chị L. Đối với chị L có yêu cầu nuôi con, anh T đồng ý giao cháu M cho chị L nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần xử giao cháu M cho chị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Võ Văn T nên chị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0016729 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai). Chị L đã nộp đủ án phí.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L đối với bị đơn anh Võ Văn T về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh L ly hôn anh Võ Văn T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Hữu Tr, sinh ngày 07/6/2006 (đã thành niên và có khả năng lao động) và Võ Thị Trúc M, sinh ngày 26/12/2014.

Xử giao cháu Võ Thị Trúc M, sinh ngày 26/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị L, anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0016729 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai). Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh L, anh Võ Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai;
- UBND xã N, tỉnh An Giang (số GCN 178, quyển số I/2010 xã A cũ);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Minh Hoàng**